

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS – ST
Ngày: 10-11-2021
V/v tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á

2. Bà Trần Thị Thu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh B tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2021/TLST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T 1, phường T, thị xã H, tỉnh B.

Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt lần 2)

bà Trần Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T1, phường H, thị xã H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn, bà Trần Thị T là: Vào ngày 02/12/2020, vợ chồng bà Trần Thị H, ông Lê Văn H có viết giấy mượn tôi số tiền là 472.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Đến hạn trả tiền nhưng vợ chồng bà Hạnh nhiều lần hứa hẹn mà không thực hiện việc trả nợ cho tôi.

Nay tôi yêu cầu tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H, ông H trả lại cho tôi số tiền còn nợ là 472.000.000 đồng. Tôi không yêu cầu lãi suất.

+ Theo trình bày của bị đơn, bà Trần Thị H là: Trong năm 2020, vợ chồng tôi có vay tiền của bà T. Thời gian và số tiền vay mượn đúng như bà T trình bày là đúng. Vì điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên tôi mới chưa thực hiện

được việc trả nợ cho bà T.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Hạnh xuất trình giấy ủy quyền của ông Lê Văn H nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Qua đó, ông H có thừa nhận nợ của bà T như bà T yêu cầu, ông ủy quyền cho vợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã Hoài Nhơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn bà H có mặt, ông H vắng mặt lần 2. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Ngày 02/12/2020 bà Trần Thị T có cho vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị H vay 472.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và hẹn đến ngày 12/5/2021 sẽ trả dứt điểm. Vợ chồng ông H, bà H có viết giấy mượn tiền của bà T và đều thừa nhận nợ bà T số tiền trên. Việc thừa nhận nợ của vợ chồng ông H, bà H là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Do đó, vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị T 472.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu về lãi suất.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của bà T được chấp nhận nên vợ chồng ông H, bà H phải nộp theo quy định 20.000.000 đồng (400.000.000 đồng x 5%) + 72.000.000 đồng x 4% = 22.880.000 (*Hai mươi hai triệu, tám trăm tám mươi ngàn*) đồng sung công Nhà nước.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015,

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Buộc vợ chồng ông Lê Văn, bà Trần Thị H liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền 472.000.000 (*Bốn trăm bảy mươi hai triệu*) đồng.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trần Thị H phải nộp 22.880.000 (Hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi ngàn) đồng sung công Nhà nước.

Hoàn trả cho Trần Thị T 11.440.000 (mười một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001425 ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh B.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã H;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Thành

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Á Trần Thị Thu Thanh

Trần Minh Thành

